

DANH MỤC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025

Chú thích đánh dấu nội dung: *Nội dung được bỏ (~~chữ in nghiêng gạch bỏ~~)*

Nội dung sửa đổi bổ sung: (chữ in đậm nghiêng)

Quy định hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung
Điều 2. Giải thích từ ngữ i) <i>Cổ đông lớn</i>: là cổ đông sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 05% (năm phần trăm) vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của ABBANK. k) <i>Người điều hành ABBANK</i>: bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, thành viên Ban Điều hành, Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh và các chức danh tương đương của ABBANK. l) <i>Người có liên quan</i>: là tổ chức, cá nhân có quan hệ với một tổ chức, cá nhân khác (bao gồm cả ABBANK) nếu thuộc một trong các trường hợp sau: (i). Công ty mẹ với công ty con và ngược lại; ABBANK với Công ty con của ABBANK và ngược lại; các công ty có cùng công ty mẹ với nhau; các Công ty con của ABBANK với nhau; người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của Công ty mẹ hoặc của ABBANK, cá nhân hoặc tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người này với công ty con và ngược lại; (ii). Công ty hoặc ABBANK đối với người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của công ty hoặc ABBANK hoặc với Công ty, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người đó và ngược lại; (iii). Công ty hoặc ABBANK đối với tổ chức, cá nhân sở hữu từ 05% (năm phần trăm) vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại công ty hoặc ABBANK và ngược lại;	Điều 2. Giải thích từ ngữ i) <i>Cổ đông lớn</i>: là cổ đông sở hữu từ 5% (năm phần trăm) số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của ABBANK, <i>bao gồm cả số cổ phần cổ đông đó sở hữu gián tiếp.</i> k) <i>Người điều hành ABBANK</i>: bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, thành viên Ban Điều hành, Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh và các chức danh tương đương của ABBANK <i>(Chức danh Thành viên Ban Điều hành không tương đương với chức danh Phó Tổng Giám đốc).</i> l) <i>Người có liên quan</i>: là tổ chức, cá nhân có quan hệ với một tổ chức, cá nhân khác (bao gồm cả ABBANK) nếu thuộc một trong các trường hợp sau: (i). Công ty mẹ với công ty con và ngược lại; công ty mẹ với công ty con của công ty con và ngược lại; <i>tổ chức tín dụng với công ty con của tổ chức tín dụng và ngược lại; tổ chức tín dụng với công ty con của công ty con của tổ chức tín dụng</i> và ngược lại; các công ty con của cùng một công ty mẹ hoặc của cùng một tổ chức tín dụng với nhau; <i>các công ty con của công ty con của cùng một công ty mẹ hoặc của cùng một tổ chức tín dụng</i> với nhau; người quản lý, <i>kiểm soát viên</i>, thành viên Ban kiểm soát của công ty mẹ hoặc của tổ chức tín dụng, cá nhân hoặc tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người này với công ty con và ngược lại; (ii). Công ty hoặc tổ chức tín dụng với người quản lý, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của công ty hoặc tổ chức tín dụng đó hoặc với công ty, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người đó và ngược lại;

(iv). Cá nhân với vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em của người này; (v). Công ty hoặc ABBANK đối với cá nhân theo quy định tại tiết (iv) của người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của công ty hoặc ABBANK và ngược lại; (vi). Cá nhân được ủy quyền đại diện cho tổ chức, cá nhân quy định tại các tiết từ (i) đến (v) trên đây đối với tổ chức, cá nhân ủy quyền; các cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp của cùng một tổ chức với nhau. (vii). Pháp nhân, cá nhân khác có mối quan hệ tiềm ẩn rủi ro cho hoạt động của ABBANK được xác định theo quy định nội bộ của ABBANK hoặc theo yêu cầu bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước thông qua hoạt động thanh tra, giám sát đối với từng trường hợp cụ thể. (viii). Các trường hợp khác theo quy định tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.	(iii). Công ty hoặc tổ chức tín dụng với tổ chức, cá nhân sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại công ty hoặc tổ chức tín dụng đó và ngược lại; (iv). Cá nhân với vợ, chồng; cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi, cha dưỡng, mẹ kế, cha mẹ vợ, cha mẹ chồng; con đẻ, con nuôi, con riêng của vợ hoặc chồng, con dâu, con rể; anh, chị, em cùng cha mẹ; anh, chị, em cùng cha khác mẹ; anh, chị, em cùng mẹ khác cha; anh vợ, chị vợ, em vợ, anh chồng, chị chồng, em chồng, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người cùng cha mẹ hoặc cùng cha khác mẹ, cùng mẹ khác cha (sau đây gọi là vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em); ông bà nội, ông bà ngoại; cháu nội, cháu ngoại; bác ruột, cô ruột, dì ruột, chú ruột, cậu ruột và cháu ruột; (v). Công ty hoặc tổ chức tín dụng với cá nhân có mối quan hệ theo quy định tại tiết (iv) trên đây với người quản lý, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát, thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ 05% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của công ty hoặc tổ chức tín dụng đó và ngược lại; (vi). Cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp cho tổ chức, cá nhân quy định tại các tiết từ (i) đến (v) trên đây đối với tổ chức, cá nhân ủy quyền; các cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp của cùng một tổ chức với nhau; (vii). Pháp nhân, cá nhân khác có mối quan hệ tiềm ẩn rủi ro cho hoạt động của ABBANK được xác định theo quy định nội bộ của ABBANK hoặc theo yêu cầu bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thông qua hoạt động thanh tra, giám sát. Định nghĩa “Người có liên quan” tại điểm này áp dụng đối với các nội dung về tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể và hoạt động có liên quan theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng. Đối với vấn đề công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và các vấn đề khác không có quy định đặc thù của Luật Các tổ chức tín dụng thì áp dụng định nghĩa
---	---

m) <i>Người nội bộ</i>: là người giữ vị trí quan trọng trong bộ máy quản trị, điều hành của ABBANK, bao gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch, thành viên Hội đồng Quản trị, Người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương với các vị trí nêu trên do Đại hội đồng Cổ đông bầu hoặc Hội đồng Quản trị bổ nhiệm; Trưởng Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát, Thư ký công ty, Người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền công bố thông tin.	về Người có liên quan theo quy định tại Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán, Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp phù hợp với nguyên tắc áp dụng pháp luật. m) <i>Người nội bộ</i>: là người giữ vị trí quan trọng trong bộ máy quản trị, điều hành của ABBANK, bao gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch, thành viên Hội đồng Quản trị, Người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương với các vị trí nêu trên do Đại hội đồng Cổ đông bầu hoặc Hội đồng Quản trị bổ nhiệm; Trưởng Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Kiểm toán Nội bộ, Thư ký công ty, Người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền công bố thông tin. r) Cấp tín dụng: là việc thỏa thuận để tổ chức, cá nhân sử dụng một khoản tiền hoặc cam kết cho phép sử dụng một khoản tiền theo nguyên tắc có hoàn trả bằng nghiệp vụ cho vay, chiết khấu, cho thuê tài chính, bao thanh toán, bảo lãnh ngân hàng, thư tín dụng và các nghiệp vụ cấp tín dụng khác.
Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị 4.1. Thành viên Hội đồng Quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Các Tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, pháp luật khác có liên quan và Điều lệ ABBANK, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của ABBANK và của các đơn vị thuộc ABBANK. 4.2. Thành viên Hội đồng Quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ ABBANK và các nghĩa vụ sau: f) Tham dự họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên để trả lời các câu hỏi của cổ đông tại cuộc họp (nếu có); trường hợp bất khả kháng không tham dự được, thành viên Hội đồng Quản trị phải báo cáo bằng văn bản với Hội đồng Quản trị.	Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị 4.1. Thành viên Hội đồng Quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Các Tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, pháp luật khác có liên quan và Điều lệ ABBANK. 4.2. Thành viên Hội đồng Quản trị có nghĩa vụ theo quy định của Luật Các Tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, pháp luật khác có liên quan, Điều lệ ABBANK và các nghĩa vụ sau:

Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng Quản trị 5.1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý, điều hành khác có liên quan thuộc ABBANK cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của ABBANK và của đơn vị trong ABBANK. 5.2. Người quản lý, điều hành được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng Quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin phù hợp với quy định của Điều lệ ABBANK và quy định nội bộ do Hội đồng Quản trị ban hành.	Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng Quản trị 5.1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác của ABBANK cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của ABBANK và của đơn vị trong ABBANK <i>nhằm thực hiện nhiệm vụ của thành viên Hội đồng Quản trị được phân công, phù hợp với quy định tại Quy chế này và các quy định khác có liên quan của Hội đồng Quản trị.</i> 5.2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng Quản trị. <i>5.3. Việc yêu cầu và cung cấp thông tin, tài liệu cho thành viên Hội đồng Quản trị được thực hiện theo quy định sau đây:</i> <i>a) Ưu tiên thực hiện cung cấp, trao đổi thông tin thông qua hệ thống thông tin nội bộ, báo cáo định kỳ được cung cấp đồng thời đến tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị và có thể được truy cập trực tuyến tại mọi thời điểm.</i> <i>b) Thành viên Hội đồng Quản trị có thể yêu cầu cung cấp thông tin bổ sung, cập nhật trong phạm vi và nhằm thực hiện nhiệm vụ và/hoặc nội dung công việc cụ thể mà được giao, được phân công thực hiện.</i> <i>c) Việc yêu cầu và cung cấp thông tin có thể được thực hiện qua thư điện tử (email), văn bản hoặc nêu yêu cầu trực tiếp tại cuộc họp.</i> <i>d) Người được yêu cầu có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu cho thành viên Hội đồng Quản trị trong thời hạn 3 ngày làm việc, trừ trường hợp quy định thời hạn khác theo Quy chế này, Quy chế thông qua các quyết định của Hội đồng Quản trị, quy định nội bộ khác do Hội đồng Quản trị ban hành hoặc thời hạn hợp lý khác được nêu trong yêu cầu của thành viên Hội đồng Quản trị.</i>
---	--

Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng Quản trị 6.1. Hội đồng Quản trị có tối thiểu 05 (năm) thành viên và tối đa 11 (mười một) thành viên; số lượng thành viên cụ thể do Đại hội đồng Cổ đông quyết định. 6.2. Tối thiểu 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị phải là người không điều hành và thành viên độc lập. 6.3. Số thành viên độc lập Hội đồng Quản trị phải đảm bảo quy định sau: a) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp ABBANK có số thành viên Hội đồng Quản trị là 05 thành viên; b) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp ABBANK có số thành viên Hội đồng Quản trị từ 06 đến 08 thành viên; c) Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp ABBANK có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên. 6.4. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị theo nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị nhưng không quá 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế, trừ trường hợp một cá nhân không được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng Quản trị trong 2 nhiệm kỳ liên tiếp để bảo đảm tuân thủ quy định tại điểm e Khoản 7.2 Điều 7 Quy chế này. 6.5. Hội đồng Quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng Quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.	Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng Quản trị 6.1. Hội đồng Quản trị có tối thiểu 05 (năm) thành viên và tối đa 11 (mười một) thành viên; số lượng thành viên cụ thể của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng Cổ đông quyết định. 6.2. Hội đồng quản trị phải có tối thiểu 02 thành viên độc lập; 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên phải là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành ABBANK. 6.3. Cá nhân và Người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người là người đại diện phần vốn góp của một cổ đông là tổ chức và Người có liên quan của những người này được tham gia Hội đồng Quản trị, nhưng không được vượt quá 02 (hai) thành viên Hội đồng Quản trị ABBANK, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước, bên nhận chuyển giao bắt buộc. 6.4. Trường hợp Hội đồng quản trị có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định tại khoản 6.1 và 6.2 Điều này, trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, ABBANK phải bầu bổ sung, bảo đảm số thành viên tối thiểu, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 166 của Luật Các tổ chức tín dụng 6.5. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị theo nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị nhưng không quá 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế, trừ trường hợp một cá nhân không thể được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng Quản trị trong 2 nhiệm kỳ liên tiếp để bảo đảm tuân thủ quy định tại điểm f Khoản 7.2 Điều 7 Quy chế này. 6.6. Hội đồng Quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng Quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.
--	--

Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng Quản trị 7.1. Thành viên Hội đồng Quản trị phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau: <i>a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</i> b) Không thuộc các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ hoặc không được cùng đảm nhiệm chức vụ theo quy định tại Điều lệ ABBANK; c) Có đạo đức nghề nghiệp <i>trên cơ sở tuân thủ quy định của Điều lệ</i>	Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng Quản trị 7.1. Thành viên Hội đồng Quản trị phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau: a) Không thuộc các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Khoản 3 Điều 23 Điều lệ ABBANK, cụ thể: - Người chưa thành niên; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự; - Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành hình phạt tù; đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc; đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định; - Người đã bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên; - Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xoá án tích; - Cán bộ, công chức, viên chức, người quản lý từ cấp phòng trở lên trong doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên tại ABBANK hoặc được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát ABBANK theo yêu cầu nhiệm vụ; - Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp, công nhân công an trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên tại ABBANK.
--	--

ABBANK về công khai các lợi ích có liên quan và trung thực, cần trọng, tránh xung đột lợi ích; d) Có bằng đại học trở lên; e) Có ít nhất 3 (ba) năm là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 5 (năm) năm là người quản lý, người điều hành của doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng hoặc có ít nhất 5 (năm) năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán. 7.2. Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị, ngoài việc bảo đảm những tiêu chuẩn nêu tại Khoản 7.1 Điều này, còn phải đáp ứng các điều kiện sau: a) Không phải là người đang làm việc cho ABBANK hoặc công ty con của ABBANK hoặc đã làm việc cho ABBANK hoặc công ty con của ABBANK bất kỳ thời gian nào trong 3 (ba) năm liền kề trước đó. b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao thường xuyên của ABBANK ngoài những khoản phụ cấp của thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định; c) Không phải là người có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ chồng của những người này là cổ đông lớn của ABBANK, người quản lý hoặc thành viên Ban Kiểm soát của ABBANK hoặc công ty con của ABBANK; d) Không trực tiếp, gián tiếp sở hữu hoặc đại diện sở hữu từ 01% (một phần trăm) vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của ABBANK; không cùng người có liên quan sở hữu từ 05% (năm phần trăm) vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của ABBANK; e) Không phải là người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của ABBANK	b) Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước; c) Có trình độ từ đại học trở lên; d) Có một trong các điều kiện sau đây: Có ít nhất 03 (ba) năm là người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng; có ít nhất 05 (năm) năm là người quản lý doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định của ABBANK; có ít nhất 05 (năm) năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ của của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán. 7.2. Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây: a) Tiêu chuẩn điều kiện quy định tại các Khoản 7.1 Điều này; b) Không phải là người đang làm việc cho ABBANK hoặc công ty con của ABBANK hoặc đã làm việc cho ABBANK hoặc công ty con của ABBANK trong 3 (ba) năm liền kề trước đó; c) Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của ABBANK, ngoài những khoản thù lao, phụ cấp của thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định; d) Không có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ chồng của những người này là cổ đông lớn của ABBANK, người quản lý hoặc thành viên Ban Kiểm soát ABBANK; người quản lý hoặc kiểm soát viên, thành viên Ban Kiểm soát của công ty con của ABBANK; e) Không phải là người đại diện sở hữu cổ phần tại ABBANK; không sở hữu hoặc cùng với Người có liên quan sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 01% (một phần trăm) vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của ABBANK;
---	---

chế này.	nhiệm, bãi nhiệm thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ ABBANK và Quy chế này.
Điều 8. Chủ tịch Hội đồng Quản trị 8.3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây: a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị; b) Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ trì cuộc họp Hội đồng Quản trị; c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị; d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị; bảm bảo hoạt động của Hội đồng Quản trị được đánh giá và báo cáo Đại hội đồng cổ đông hàng năm theo quy định của Điều lệ này và pháp luật; e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông; f) Đảm bảo các thành viên Hội đồng Quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Hội đồng Quản trị phải xem xét; g) Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng Quản trị; giám sát các thành viên Hội đồng Quản trị trong việc thực hiện các công việc được phân công và các nhiệm vụ, quyền hạn chung; đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên, các Ủy ban của Hội đồng Quản trị tối thiểu mỗi năm một lần và báo cáo Đại hội đồng Cổ đông về kết quả đánh giá này; ...	Điều 8. Chủ tịch Hội đồng Quản trị 8.3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây: a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình; b) Triệu tập và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng Quản trị; c) Thay mặt Hội đồng Quản trị ký văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị; d) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị; e) Giám sát, tổ chức giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị; f) Làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông; g) Đảm bảo thành viên Hội đồng Quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Hội đồng Quản trị phải xem xét; h) Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng Quản trị; i) Giám sát thành viên Hội đồng Quản trị trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ và nhiệm vụ được phân công j) Chỉ được ủy quyền cho một thành viên khác của Hội đồng Quản trị thực hiện quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị trong thời gian vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ;

j) Giải quyết các tranh chấp nội bộ theo Điều lệ ABBANK; ...	k) Định kỳ hằng năm, đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên Hội đồng Quản trị, các Hội đồng, Ủy ban của Hội đồng Quản trị và báo cáo báo cáo Đại hội đồng Cổ đông về kết quả đánh giá này; n) Giải quyết các tranh chấp nội bộ theo quy định của pháp luật và Điều lệ ABBANK; ...
Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị 9.3. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: a) Số thành viên Hội đồng Quản trị còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật và Điều lệ ABBANK hoặc không đủ 2/3 (hai phần ba) so với số lượng thành viên của nhiệm kỳ hiện tại. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng Quản trị không bảo đảm quy định; b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a Khoản này, Đại hội đồng Cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng Quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận nhân sự ứng viên.	Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị 9.3. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp Hội đồng Quản trị có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định tại khoản 6.1 và 6.2 Điều 6 Quy chế này trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 166 của Luật Các tổ chức tín dụng.
Điều 10. Cách thức bầu và thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị 10.1. Đề cử thành viên Hội đồng Quản trị a) Trước khi tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông tối thiểu 45 (bốn mươi lăm) ngày, Hội đồng Quản trị phải thông báo công khai cho các cổ đông về số lượng thành viên dự kiến được bầu vào nhiệm kỳ mới của Hội đồng Quản trị; trong đó dự kiến số lượng thành viên độc lập kèm theo các điều kiện, tiêu chuẩn, hồ sơ phải đáp ứng theo quy định của Điều lệ ABBANK và theo	Điều 10. Cách thức bầu và thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị 10.1. Đề cử thành viên Hội đồng Quản trị a) Trước khi tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông tối thiểu 90 (chín mươi) ngày, Hội đồng Quản trị phải quyết định lấy ý kiến cổ đông về việc thực hiện quyền đề cử ứng viên, thông báo công khai cho các cổ đông, kèm

quy định hiện hành của pháp luật để các cổ đông tiến hành đề cử. b) Số lượng ứng viên Hội đồng Quản trị được đề cử dựa trên tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 15% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 15% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên, trừ trường hợp Hội đồng Quản trị quyết định khác.	theo hướng dẫn về tiêu chuẩn, điều kiện, hồ sơ phải đáp ứng theo quy định của Điều lệ ABBANK và pháp luật để các cổ đông tiến hành đề cử. b) Số lượng ứng viên Hội đồng Quản trị được đề cử dựa trên tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% đến 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ trên 10% đến 20% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ trên 20% đến 30% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ trên 30% đến 40% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ trên 40% đến 50% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ trên 50% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên, trừ trường hợp Hội đồng Quản trị có quyết định khác.
Điều 11. Vai trò và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị 11.1. Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý ABBANK, có toàn quyền nhân danh ABBANK để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của ABBANK, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông; bảo đảm hoạt động của ABBANK tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của ABBANK. 11.2. Quyền hạn và nhiệm vụ cụ thể của Hội đồng Quản trị theo quy định của Điều lệ ABBANK và Quy chế nội bộ về quản trị ABBANK.	Điều 11. Vai trò và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị 11.1. Hội đồng Quản trị là cơ quan quản trị ABBANK, có toàn quyền nhân danh ABBANK để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của ABBANK, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông. 11.2. Quyền hạn và nhiệm vụ cụ thể của Hội đồng Quản trị theo quy định của Điều lệ ABBANK.
Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch với bên liên quan 12.1. Ngoại trừ các trường hợp bị pháp luật cấm và các giao dịch về tín dụng thực hiện theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn liên quan, Hội đồng Quản trị phê duyệt trong phạm vi thẩm quyền quy định cụ thể tại Khoản 12.2 Điều này đối với các hợp đồng, giao dịch giữa ABBANK với các đối tượng sau đây: a) Cổ đông lớn của ABBANK và những người có liên quan của họ; b) Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10%	Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch với người có liên quan Ngoại trừ các hợp đồng, giao dịch giữa ABBANK và người có liên quan bị cấm thực hiện và các hợp đồng giao dịch thuộc thẩm quyền phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ ABBANK, Hội đồng Quản trị phê duyệt trong phạm vi thẩm quyền các hợp đồng giao dịch với người có liên quan theo quy định cụ thể tại Chương IV Quy chế này.

~~(mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông của ABBANK và những người có liên quan của họ;~~

~~c) Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác của ABBANK và những người có liên quan của họ;~~

~~d) Doanh nghiệp là công ty con, công ty liên kết của ABBANK;~~

~~e) Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của ABBANK làm chủ, có sở hữu cổ phần, phần vốn góp hoặc doanh nghiệp mà những người có liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của ABBANK làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% (mười phần trăm) vốn điều lệ.~~

~~12.2. Phạm vi thẩm quyền của Hội đồng Quản trị trong phê duyệt giao dịch giữa ABBANK với các đối tượng quy định tại Khoản 12.1 Điều này cụ thể như sau:~~

~~a) Hợp đồng, giao dịch quy định tại điểm a, b, c, d Khoản 12.1 Điều này có giá trị tối đa 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của ABBANK ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;~~

~~b) Hợp đồng, giao dịch quy định tại điểm e Khoản 12.1 Điều này có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất nhưng tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên vẫn dưới 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất.~~

~~Ngoài phạm vi quy định tại điểm a và b nêu trên, các hợp đồng giao dịch với bên liên quan quy định tại Khoản 12.1 Điều này thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông.~~

~~12.3. Hồ sơ trình Hội đồng Quản trị phải kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc giải trình nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng Quản trị quyết định~~

<i>việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định chung về thời hạn thông qua quyết định của Hội đồng Quản trị. Thành viên Hội đồng Quản trị có liên quan không có quyền biểu quyết.</i>	
Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường 13.1 Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng Cổ đông trong các trường hợp sau: a) Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của ABBANK; b) Số thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật và Điều lệ ABBANK hoặc số thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát còn lại <i>không đủ 2/3 (hai phần ba) so với số lượng thành viên của nhiệm kỳ hiện tại;</i> c) Theo yêu cầu bằng văn bản của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông của ABBANK <i>trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng.</i> <i>d) Theo yêu cầu bằng văn bản của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông của ABBANK trong trường hợp Hội đồng Quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông trong trường hợp này phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của ABBANK, căn cứ vào lý do yêu cầu</i>	Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường 13.1 Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng Cổ đông trong các trường hợp sau: a) Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của ABBANK; b) Số thành viên Hội đồng Quản trị còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Các tổ chức tín dụng; c) Số thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại khoản 2 Điều 51 của Luật Các tổ chức tín dụng; d) Theo yêu cầu bằng văn bản của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông của ABBANK. e) Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát; f) Quyết định nội dung theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng đến an toàn hoạt động của tổ chức tín dụng. 13.2 Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng Cổ đông trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu hoặc ngày xảy ra sự kiện quy định tại Khoản 13.1 Điều này. Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị và các thành viên Hội đồng Quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho ABBANK.

<i>triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Văn bản có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng Quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.</i> e) Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát; <i>f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</i> 13.2 Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng Cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu hoặc ngày xảy ra sự kiện quy định tại Khoản 13.1 Điều này.	
Điều 14. Thường trực Hội đồng Quản trị 14.2. Thường trực Hội đồng Quản trị có nhiệm vụ: a) <i>Giúp Chủ tịch Hội đồng Quản trị</i> xem xét các nội dung trước khi đưa ra cuộc họp/xin ý kiến các thành viên Hội đồng Quản trị khi cần thiết; b) Giúp Hội đồng Quản trị <i>và Chủ tịch Hội đồng Quản trị</i> thực hiện công tác chỉ đạo và giám sát thường xuyên hoạt động điều hành của Tổng Giám đốc; c) Thay mặt Hội đồng Quản trị <i>xử lý công việc hàng ngày</i>, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị và được Hội đồng Quản trị giao quyền; các vấn đề phát sinh đột xuất hoặc tình huống khẩn cấp cần có quyết định ngay của Hội đồng Quản trị; <i>phối hợp hoạt động với Ban Kiểm soát và chỉ đạo Tổng Giám đốc liên quan đến công tác quản lý hoạt động của ABBANK liên quan đến trách nhiệm và thẩm quyền của Hội đồng Quản trị;</i>	Điều 14. Thường trực Hội đồng Quản trị 14.2. Thường trực Hội đồng Quản trị có nhiệm vụ: a) Xem xét các nội dung trước khi đưa ra cuộc họp/xin ý kiến các thành viên Hội đồng Quản trị khi cần thiết; b) Giúp Hội đồng Quản trị thực hiện công tác chỉ đạo và giám sát thường xuyên hoạt động điều hành của Tổng Giám đốc; <i>c) Phối hợp hoạt động với Ban Kiểm soát và chỉ đạo Tổng Giám đốc liên quan đến hoạt động của ABBANK theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị;</i> d) Thay mặt Hội đồng Quản trị quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị <i>theo uỷ quyền</i>, giao quyền của Hội đồng Quản trị; quyết định các vấn đề phát sinh đột xuất hoặc tình huống khẩn cấp cần có quyết định ngay của Hội đồng Quản trị; <i>Đối với các nội dung ra quyết định quy định tại điểm c này, Thường trực Hội đồng Quản trị quyết định tập thể theo nguyên tắc nhất trí và báo cáo với Hội đồng Quản trị tại cuộc họp gần nhất;</i>

Điều 15. Các Ủy ban của Hội đồng Quản trị 15.1. Hội đồng Quản trị phải lập Ủy ban Quản lý rủi ro, Ủy ban Nhân sự thuộc Hội đồng Quản trị để tham mưu và giúp Hội đồng Quản trị trong việc đưa ra khuyến nghị, giám sát, đánh giá và thực thi vai trò, trách nhiệm và quyền hạn của Hội đồng Quản trị trong công tác quản lý rủi ro và nhân sự. Hội đồng Quản trị có thể lập các Ủy ban khác tùy theo yêu cầu công tác và tình hình thực tế tại ABBANK. 15.2. Đối với Ủy ban Quản lý rủi ro, Ủy ban Nhân sự, mỗi Ủy ban phải có tối thiểu 3 (ba) thành viên gồm Chủ nhiệm Ủy ban là thành viên Hội đồng Quản trị và các thành viên khác do Hội đồng Quản trị quyết định, bổ nhiệm, miễn nhiệm. Một thành viên Hội đồng Quản trị chỉ được là Chủ nhiệm của một Ủy ban. Ủy ban Quản lý rủi ro phải có tối thiểu một thành viên là thành viên độc lập của Hội đồng Quản trị. Mỗi Ủy ban phải có ít nhất trên 1/2 (một phần hai) số thành viên có quyền biểu quyết là thành viên không phải người điều hành; 15.3. Hội đồng Quản trị quy định ban hành quy định cụ thể về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và hoạt động của các Ủy ban thuộc Hội đồng Quản trị phù hợp với quy định của Điều lệ ABBANK và pháp luật có liên quan; gửi các quy định nội bộ này tới Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (thông qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) để báo cáo ngay sau khi ban hành. 15.4. Chủ nhiệm Ủy ban phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên Ủy ban và chịu trách nhiệm về việc tổ chức hoạt động của Ủy ban phù hợp với pháp luật, Điều lệ ABBANK và quy định do Hội đồng Quản trị ban hành.	Điều 15. Các Ủy ban của Hội đồng Quản trị 15.1. Hội đồng Quản trị phải lập Ủy ban Quản lý rủi ro, Ủy ban Nhân sự theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc cấp Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại và có thể lập Hội đồng, Ủy ban khác (nếu cần thiết tùy theo yêu cầu công tác và tình hình thực tế tại ABBANK) để giúp Hội đồng Quản trị tổ chức thực hiện giám sát của quản lý cấp cao. 15.2. Đối với Ủy ban Quản lý rủi ro, Ủy ban Nhân sự, mỗi Ủy ban phải có tối thiểu 3 (ba) thành viên trong đó Chủ nhiệm Ủy ban là thành viên Hội đồng Quản trị. Một thành viên Hội đồng Quản trị chỉ được là Chủ nhiệm của một Ủy ban. Ủy ban Quản lý rủi ro phải có tối thiểu một thành viên là thành viên độc lập của Hội đồng Quản trị. Mỗi Ủy ban phải có ít nhất trên 1/2 (một phần hai) số thành viên có quyền biểu quyết là thành viên không phải người điều hành. 15.3. Hội đồng Quản trị ban hành quy định cụ thể về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và hoạt động của các Hội đồng, Ủy ban thuộc Hội đồng Quản trị phù hợp với quy định của Điều lệ ABBANK và pháp luật có liên quan; gửi các quy định nội bộ này tới Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (thông qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) để báo cáo ngay sau khi ban hành.
---	---

Điều 16. Cuộc họp Hội đồng Quản trị 16.2. Hội đồng Quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường do Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập khi xét thấy cần thiết nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần. 16.4. Hội đồng Quản trị tiến hành họp trực tiếp với sự có mặt của thành viên Hội đồng Quản trị hoặc hình thức họp trực tuyến. Trường hợp họp trực tuyến phải phù hợp với quy định sau đây: a) Cuộc họp trực tuyến có thể được tiến hành thông qua việc sử dụng ứng dụng công nghệ và hệ thống internet, điện thoại, cầu truyền hình, các hình thức liên lạc điện tử khác giữa các thành viên của Hội đồng Quản trị, các nhóm thành viên Hội đồng Quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau. b) Cuộc họp trực tuyến phải bảo đảm điều kiện mỗi thành viên tham gia đều có thể: (i) Nghe từng thành viên khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp; (ii) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. c) Thành viên Hội đồng Quản trị tham gia cuộc họp Hội đồng Quản trị dưới hình thức trực tuyến quy định tại Khoản này được coi là có mặt tại cuộc họp đó. d) Địa điểm, thời gian cuộc họp trực tuyến được xác định là địa điểm, thời gian mà nhóm thành viên Hội đồng Quản trị đông nhất tập họp lại, nếu không có một nhóm như vậy thì địa điểm, thời gian của cuộc họp được xác định theo nơi Chủ tọa cuộc họp hiện diện. e) Các quyết định được thông qua trong cuộc họp trực tuyến được tổ chức và tiến hành theo quy định tại Khoản này có hiệu lực và giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp trực tiếp thông thường. Các thành viên Hội đồng Quản trị có trách nhiệm ký xác nhận Biên bản họp Hội đồng Quản trị để hoàn thiện hồ sơ cuộc họp theo quy định sau khi cuộc họp trực tuyến	Điều 16. Cuộc họp Hội đồng Quản trị 16.2. Hội đồng Quản trị phải họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường. 16.4. Hội đồng Quản trị tiến hành họp theo hình thức họp mặt trực tiếp hoặc hình thức họp trực tuyến hoặc kết hợp cả hai hình thức nói trên. Trường hợp họp trực tuyến hoặc kết hợp họp trực tuyến phải phù hợp với quy định sau đây: a) Cuộc họp trực tuyến hoặc kết hợp trực tuyến có thể được tiến hành thông qua việc sử dụng ứng dụng công nghệ và hệ thống internet, điện thoại, cầu truyền hình, các hình thức liên lạc điện tử khác giữa các thành viên của Hội đồng Quản trị, các nhóm thành viên Hội đồng Quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau. b) Cuộc họp trực tuyến hoặc kết hợp trực tuyến phải bảo đảm điều kiện mỗi thành viên tham gia đều có thể: (i) Nghe từng thành viên khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp; (ii) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. c) Thành viên Hội đồng Quản trị tham gia cuộc họp Hội đồng Quản trị dưới hình thức trực tuyến quy định tại Khoản này được coi là có mặt tại cuộc họp đó. d) Địa điểm, thời gian cuộc họp trực tuyến được xác định là địa điểm, thời gian mà nhóm thành viên Hội đồng Quản trị đông nhất tập họp lại, nếu không có một nhóm như vậy thì địa điểm, thời gian của cuộc họp được xác định theo nơi Chủ tọa cuộc họp hiện diện. e) Các quyết định được thông qua trong cuộc họp trực tuyến hoặc kết hợp trực tuyến được tổ chức và tiến hành theo quy định tại Khoản này có hiệu lực và giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp trực tiếp thông thường. Các thành viên Hội đồng Quản trị có trách nhiệm ký xác nhận
--	---

kết thúc. 16.5. Khi triệu tập họp, Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập họp phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo họp Hội đồng Quản trị có các thông tin về cách thức họp, thời gian, địa điểm họp, nội dung các vấn đề thảo luận và quyết định, kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp. Thông báo họp phải được gửi đi qua dịch vụ bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng Quản trị được đăng ký tại ABBANK để thành viên có thể nhận được một cách thuận tiện và nhanh nhất. Trường hợp họp gấp, người triệu tập họp có thể thông báo mời họp một ngày làm việc trước ngày họp sau khi tham vấn nhanh và được các thành viên Hội đồng Quản trị đồng ý; các tài liệu họp trong trường hợp này có thể được gửi cho các thành viên Hội đồng Quản trị ngay tại cuộc họp. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng Quản trị. Thành viên Ban Kiểm soát được dự cuộc họp Hội đồng Quản trị có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết. 16.8. Thành viên Hội đồng Quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng Quản trị. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận. 16.10. Biên bản họp Hội đồng Quản trị: c) Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp	Biên bản họp Hội đồng Quản trị để hoàn thiện hồ sơ cuộc họp sau khi cuộc họp trực tuyến hoặc kết hợp trực tuyến kết thúc. 16.5. Khi triệu tập họp, Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập họp phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo họp Hội đồng Quản trị có các thông tin về cách thức họp, thời gian, địa điểm họp, nội dung các vấn đề thảo luận và quyết định, kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp. Thông báo họp phải được gửi đi qua dịch vụ bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng Quản trị được đăng ký tại ABBANK để thành viên có thể nhận được một cách thuận tiện và nhanh nhất. Người triệu tập họp có thể thông báo mời họp không theo thời hạn quy định thông thường ở trên trong các trường hợp cần quyết định gấp của Hội đồng Quản trị, sau khi tham vấn nhanh và được các thành viên Hội đồng Quản trị đồng ý; các tài liệu họp trong trường hợp này có thể được gửi cho các thành viên Hội đồng Quản trị ngay tại cuộc họp. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng Quản trị. Trường Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng Quản trị, có quyền phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết. 16.8. Thành viên Hội đồng Quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng Quản trị. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận, trừ các trường hợp không được phép ủy quyền quy định tại Khoản 7 Điều 54 Điều lệ ABBANK và trường hợp không được nhận ủy quyền biểu quyết quy định tại Khoản 21.2 Điều 21 Quy chế này. 16.10. Biên bản họp Hội đồng Quản trị: c) Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị.
--	--

Hội đồng Quản trị. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng Quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại điểm a Khoản này.	Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký Biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng Quản trị tham dự họp và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại điểm a Khoản này thì Biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký Biên bản họp. Người ký Biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với ABBANK do từ chối ký Biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ ABBANK và pháp luật có liên quan
Điều 17. Thông qua quyết định của Hội đồng Quản trị 17.1. Hội đồng Quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị. Căn cứ Quy định của Điều lệ ABBANK và Quy chế này, Hội đồng Quản trị ban hành Quy chế Thông qua các quyết định của Hội đồng Quản trị. 17.2. Khi biểu quyết, mỗi thành viên Hội đồng Quản trị có một phiếu biểu quyết. Đối với vấn đề mà thành viên Hội đồng Quản trị là người liên quan thì thành viên đó không có quyền biểu quyết; đồng thời cũng không được nhận từ quyền của thành viên khác của Hội đồng Quản trị để tham gia biểu quyết vấn đề đó. 17.3. Trừ các trường hợp quy định tại Khoản 17.4 Điều này, quyết định của Hội đồng Quản trị được thông qua nếu được đa số phiếu của thành viên có quyền biểu quyết tán thành. Trường hợp số phiếu biểu quyết ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Chủ tọa cuộc họp (trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt và không gửi ý kiến biểu quyết trước). 17.4. Quyết định của Hội đồng Quản trị trong các trường hợp sau đây được thông qua theo nguyên tắc đồng thuận của tất cả các thành viên có quyền biểu quyết:	Điều 17. Thông qua quyết định của Hội đồng Quản trị 17.1. Việc thông qua quyết định của Hội đồng Quản trị bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế này. Hội đồng Quản trị ban hành Quy chế quy định cụ thể việc thông qua các quyết định của Hội đồng Quản trị. 17.2. Khi biểu quyết, mỗi thành viên Hội đồng Quản trị có một phiếu biểu quyết, trừ trường hợp thành viên không có quyền biểu quyết về vấn đề đó. 17.3. Quyết định của Hội đồng Quản trị được thông qua nếu được đa số phiếu của thành viên có quyền biểu quyết tán thành. Trường hợp số phiếu biểu quyết ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Chủ tọa cuộc họp (trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt và không gửi ý kiến biểu quyết trước).

a) Thông qua Hợp đồng, giao dịch giữa ABBANK với bất cứ bên liên quan nào theo quy định tại Điều lệ ABBANK, trừ các hợp đồng nhỏ có thời hạn dưới 1 (một) năm và được thoả thuận trên cơ sở bình đẳng theo các điều kiện thương mại thông thường. Trong trường hợp này, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết; b) Thông qua sửa đổi kế hoạch kinh doanh hàng năm của ABBANK (đã được phê duyệt tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông và được Đại hội đồng Cổ đông uỷ quyền cho Hội đồng Quản trị xem xét điều chỉnh khi cần); c) Phê duyệt nghĩa vụ thanh toán ngoại lệ so với các quy định trong kinh doanh của ABBANK mà không thuộc thẩm quyền phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông theo quy định của Điều lệ ABBANK đối với nghĩa vụ thanh toán bằng tiền mặt hay phương thức khác có tổng giá trị vượt quá 05% (năm phần trăm) tổng vốn chủ sở hữu của ABBANK trong năm tài chính đó; d) Hủy bỏ việc lựa chọn hoặc thay thế tổ chức kiểm toán độc lập theo phân quyền, uỷ quyền của Đại hội đồng Cổ đông.	
(CHƯA QUY ĐỊNH)	CHƯƠNG V. THÔNG QUA HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN Điều 19. Thông qua hợp đồng, giao dịch với người có liên quan ngoài phạm vi cấp tín dụng 19.1. Hội đồng Quản trị thông qua giao dịch, hợp đồng ngoài phạm vi cấp tín dụng có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của ABBANK ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc tỷ lệ khác thấp hơn theo quy định tại Điều lệ của ABBANK ban hành từng thời kỳ giữa ABBANK với: a) Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, cổ đông lớn của ABBANK;

	<i>b) Người có liên quan của Người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông lớn của ABBANK;</i> <i>c) Công ty con, công ty liên kết của ABBANK.</i> <i>19.2. Đối với các giao dịch, hợp đồng thuộc nghiệp vụ huy động vốn của ABBANK dưới các hình thức vay, phát hành trái phiếu, nhận tiền gửi, phát hành sổ tiết kiệm, chứng chỉ tiền gửi và các sản phẩm huy động khác; các sản phẩm đặc thù khác hoặc các giao dịch trên thị trường liên ngân hàng đã có quy chế, quy định, cơ chế áp dụng chung do Hội đồng Quản trị thông qua, ban hành thì việc phê duyệt các hợp đồng, giao dịch được ký kết, thực hiện với bên liên quan được thực hiện theo các quy định, quy chế do Hội đồng Quản trị ban hành.</i> Điều 20. Thông qua hợp đồng, giao dịch với người có liên quan về cấp tín dụng <i>20.1. Những giao dịch, hợp đồng tín dụng thuộc trường hợp hạn chế cấp tín dụng</i> <i>Việc cấp tín dụng có bảo đảm và không áp dụng điều kiện ưu đãi có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của ABBANK ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc tỷ lệ khác thấp hơn theo quy định tại Điều lệ của ABBANK ban hành từng thời kỳ đối với đối tượng quy định dưới đây phải được Hội đồng Quản trị thông qua:</i> <i>a) Kế toán trưởng của ABBANK;</i> <i>b) Cổ đông lớn, cổ đông sáng lập của ABBANK.</i> <i>c) Doanh nghiệp có một trong những đối tượng sau đây sở hữu trên 10% vốn điều lệ của doanh nghiệp đó:</i> <i>i. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và chức danh tương đương theo quy định của Điều lệ ABBANK.</i>
--	---

	ii. Vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ của ABBANK. iii. Pháp nhân là cổ đông có người đại diện phần vốn góp là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát của ABBANK. d) Người thẩm định, xét duyệt cấp tín dụng tại ABBANK căn cứ theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (từ 10 tỷ đồng trở lên hoặc mức cụ thể khác được thay đổi tùy thời kỳ), trừ trường hợp cấp tín dụng dưới hình thức phát hành tín dụng cho cá nhân thực hiện theo quy định chung của ABBANK. e) Công ty con, công ty liên kết của ABBANK, trừ trường hợp ABBANK cấp tín dụng cho công ty con của ABBANK là tổ chức tín dụng được chuyển giao bắt buộc. 20.2. Những giao dịch, hợp đồng tín dụng không thuộc trường hợp hạn chế cấp tín dụng: Hội đồng Quản trị thông qua việc cấp tín dụng dưới hình thức phát hành thẻ tín dụng cho các cá nhân sau đây: a) Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và chức danh tương đương theo quy định của Điều lệ ABBANK; cổ đông lớn của ABBANK; b) Người có liên quan của Người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông lớn của ABBANK. 20.3. Tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với các đối tượng quy định tại các điểm a, b, c và d Khoản 20.1 Điều này bao gồm cả tổng mức mua, nắm giữ, đầu tư vào trái phiếu do các đối tượng này phát hành nằm trong Tổng mức dư nợ phải tuân thủ giới hạn quy định tại Khoản 2 Điều 135 Luật Các tổ chức tín dụng. Tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một đối tượng quy định tại điểm e Khoản 20.1 Điều này bao gồm cả tổng mức mua, nắm giữ, đầu tư vào trái phiếu đối tượng đó phát hành
--	---

	<i>không được vượt quá 10% vốn tự có của ABBANK; đối với tất cả các đối tượng quy định tại điểm e Khoản 20.1 Điều này không được vượt quá 15% vốn tự có của ABBANK. Việc cấp tín dụng phải được công khai trong ABBANK. Việc kiểm soát các giới hạn cấp tín dụng khi thực hiện các giao dịch, hợp đồng tại Điều này được thực hiện theo quy định nội bộ của ABBANK từng thời kỳ.</i> Điều 21. Yêu cầu đối với việc chuẩn bị và thông qua hợp đồng, giao dịch với người có liên quan <i>21.1. Hồ sơ trình Hội đồng Quản trị phải kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc giải trình nội dung chủ yếu của giao dịch.</i> <i>21.2. Trình tự, thủ tục trình Hội đồng Quản trị thông qua giao dịch, hợp đồng với người có liên quan của ABBANK thực hiện theo quy định chung tại Quy chế thông qua các quyết định của Hội đồng Quản trị.</i> <i>21.3. Khi tiến hành giao dịch với người có liên quan, ABBANK phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện; áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của ABBANK.</i> <i>21.4. Các giao dịch với người có liên quan quy định tại Chương này và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán phải được công bố thông tin theo Quy chế Công bố thông tin của ABBANK do Hội đồng Quản trị ban hành.</i> <i>21.5. Văn phòng Hội đồng Quản trị là Đơn vị đầu mối tiếp nhận, thu thập và tổng hợp và cập nhật thông tin về người có liên quan của ABBANK và thực hiện các thủ tục hồ sơ trình Hội đồng Quản trị thông qua giao dịch, hợp đồng với người có liên quan.</i>
Điều 19. Trình báo cáo hằng năm 19.1. Sau khi kết thúc năm tài chính, Hội đồng Quản trị phải trình Đại hội đồng Cổ đông các nội dung báo cáo sau:	Điều 22. Trình báo cáo hằng năm 22.1. Sau khi kết thúc năm tài chính, Hội đồng Quản trị phải trình Đại hội đồng Cổ đông các nội dung báo cáo sau:

b) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán; c) Tổng kết các cuộc họp và hoạt động của Hội đồng Quản trị và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị; hoạt động của các Ủy ban thuộc Hội đồng Quản trị; hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập và kết quả đánh giá của thành viên độc lập Hội đồng Quản trị về hoạt động của Hội đồng Quản trị (khi ABBANK là công ty niêm yết); 19.2. Các nội dung báo cáo quy định tại các điểm a, b và c Khoản 19.1 Điều này phải được hoàn thành và gửi đến Ban Kiểm soát để thẩm định và công bố 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên. 19.3. Báo cáo quy định tại các khoản 19.1 và 19.2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của ABBANK và được cập nhật lần cuối chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần ABBANK liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.	b) Tổng kết các cuộc họp và hoạt động của Hội đồng Quản trị; hoạt động của các Ủy ban thuộc Hội đồng Quản trị; c) Báo cáo tài chính năm của ABBANK đã được kiểm toán; d) Hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập và kết quả đánh giá của thành viên độc lập Hội đồng Quản trị về hoạt động của Hội đồng Quản trị (khi ABBANK trở thành công ty niêm yết); 22.2. Các nội dung báo cáo quy định tại các điểm a, b và c Khoản 22.1 Điều này phải được hoàn thành và gửi đến Ban Kiểm soát và công bố 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên. 22.3. Báo cáo quy định tại các khoản 22.1 và 22.2 Điều này phải được lưu giữ tại trụ sở chính của ABBANK và được cập nhật (nếu có) đến ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên.
Điều 20. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị 20.1. Thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị (gọi chung là thù lao) được ABBANK chi trả trên cơ sở yêu cầu thực hiện chức trách, nhiệm vụ, chế độ làm việc, thời gian cần thiết hoàn thành nhiệm vụ, tình hình thực tế, kết quả và hiệu quả kinh doanh của ABBANK. Tổng mức thù lao của Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng Cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có trách nhiệm thông báo cụ thể mức thù lao và bảo đảm việc thực hiện chi trả thù lao, lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị phù hợp với quy định tại Điều lệ ABBANK và quy định liên quan do Hội đồng Quản trị ban hành. 20.2. Thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng Quản trị, các Ủy ban của	Điều 23. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị 23.1. Thù lao, tiền lương, tiền thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị được ABBANK chi trả trên cơ sở yêu cầu thực hiện chức trách, nhiệm vụ, chế độ làm việc, thời gian cần thiết hoàn thành nhiệm vụ, tình hình thực tế, kết quả và hiệu quả kinh doanh của ABBANK. Tổng mức thù lao và cơ chế thưởng của Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng Cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có trách nhiệm thông báo cụ thể mức thù lao và bảo đảm việc thực hiện chi trả thù lao, tiền thưởng và các lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị phù hợp với quy định tại Điều lệ ABBANK,

Hội đồng Quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của ABBANK theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của ABBANK và phải báo cáo Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên. 20.3. Thành viên Hội đồng Quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng Quản trị là thành viên Ủy ban của Hội đồng Quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng Quản trị được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, phụ cấp hoặc thù lao hàng tháng, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo thông báo cụ thể của Chủ tịch Hội đồng Quản trị căn cứ quy định <i>của Hội đồng Quản trị và tình hình thực tế của ABBANK.</i>	<i>Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông</i> và quy định liên quan do Hội đồng Quản trị ban hành. 23.2. Thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng Quản trị, các Hội đồng, Ủy ban của Hội đồng Quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của ABBANK theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của ABBANK và phải báo cáo Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên. 23.3. Thành viên Hội đồng Quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng Quản trị là thành viên Ủy ban của Hội đồng Quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng Quản trị được trả thêm thù lao hoặc dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, phụ cấp hoặc thù lao hàng tháng, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo thông báo cụ thể của Chủ tịch Hội đồng Quản trị <i>áp dụng tương tự nguyên tắc chung quy định tại Khoản 23.1 Điều này.</i>
Điều 21. Công khai các lợi ích liên quan 21.1. Thành viên Hội đồng Quản trị phải công khai với ABBANK các thông tin sau đây: a) Tên, mã số doanh nghiệp, ngày cấp, nơi cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần hoặc ủy quyền, ủy thác cho cá nhân, tổ chức khác đứng tên từ 05% (năm phần trăm) vốn điều lệ trở lên; b) Tên, mã số doanh nghiệp, ngày cấp, nơi cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà mình và người có liên quan đang là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc).	Điều 24. Công khai các lợi ích liên quan 24.1. Thành viên Hội đồng Quản trị phải công khai với ABBANK các thông tin sau đây: a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà mình hoặc mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần hoặc ủy quyền, ủy thác cho cá nhân, tổ chức khác đứng tên từ 05% (năm phần trăm) vốn điều lệ trở lên; b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà mình và người có liên quan đang là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc).

21.2. Các trường hợp khác theo quy định tại Khoản 2, Điều 164 Luật Doanh nghiệp; Khoản 3 Điều 291 và Điều 299 Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (ngoài phạm vi các trường hợp quy định tại điểm a và b Khoản này). 21.3. Việc công khai thông tin quy định tại Khoản 21.1 Điều này và việc thay đổi, bổ sung thông tin liên quan phải được thực hiện bằng văn bản trong gian sớm nhất có thể nhưng <i>trong mọi trường hợp</i> không vượt quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi, bổ sung thông tin. 21.4. ABBANK phải thông báo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước các thông tin quy định tại điểm a, b Khoản 21.1 Điều này trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày ABBANK nhận được thông tin công khai theo quy định tại Khoản 21.1 Điều này. 21.5. Thành viên Hội đồng Quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của ABBANK đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng Quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng Quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về ABBANK. 21.7. ABBANK phải báo cáo: a) Đại hội đồng Cổ đông các khoản cấp tín dụng cho các đối tượng quy định tại Khoản 21.1 Điều 127 Luật Các tổ chức tín dụng phát sinh đến thời điểm lấy số liệu để họp Đại hội đồng cổ đông; b) Ngân hàng Nhà nước theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về chế độ	<i>c) Thông tin về Người có liên quan là cá nhân, bao gồm: họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp đối với người nước ngoài; mối quan hệ với người cung cấp thông tin.</i> <i>d) Thông tin về Người có liên quan là tổ chức, bao gồm: tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp; người đại diện theo pháp luật, mối quan hệ với người cung cấp thông tin</i> e) Các trường hợp khác theo quy định tại Khoản 2, Điều 164 Luật Doanh nghiệp; Khoản 3 Điều 291 và Điều 299 Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (ngoài phạm vi các trường hợp quy định tại điểm a, b, c và d Khoản này). 24.2. Việc công khai thông tin quy định tại Khoản 24.1 Điều này và việc thay đổi, bổ sung thông tin liên quan phải được thực hiện bằng văn bản trong gian sớm nhất có thể nhưng chậm nhất không vượt quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi, bổ sung thông tin. 24.3. ABBANK phải lưu giữ thông tin quy định tại Khoản 1 Điều này tại trụ sở chính của ABBANK và thông báo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước các thông tin quy định tại các điểm a, b, c và d Khoản 25.1 Điều này trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày ABBANK nhận được thông tin công khai theo quy định tại Khoản 25.1 Điều này. 24.4. Người quản lý, người điều hành ABBANK có nghĩa vụ thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho ABBANK về quyền lợi của mình tại tổ chức khác, giao dịch với tổ chức, cá nhân khác có thể gây xung đột với lợi ích của ABBANK và chỉ được tham gia vào giao dịch đó khi được Hội đồng Quản trị chấp thuận. 24.6. Việc cấp tín dụng đối với đối tượng quy định tại Khoản 24.1 Điều này đồng thời thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 135 Luật Các tổ chức tín dụng phải được công khai trong ABBANK. ABBANK phải thực hiện báo cáo về việc cấp tín dụng đối với các đối tượng này cho
---	--

<i>báo cáo thống kê các khoản cấp tín dụng cho đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 127 Luật Các tổ chức tín dụng.</i>	<i>Đại hội đồng Cổ đông và Ngân hàng Nhà nước theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.</i>
Điều 23. Mọi quan hệ với Ban điều hành 23.2. Mọi quan hệ công tác giữa Hội đồng Quản trị với Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành được quy định <i>cụ thể</i> tại các quy chế nội bộ <i>trong từng lĩnh vực</i> do Hội đồng Quản trị ban hành.	Điều 26. Mọi quan hệ với Ban điều hành 26.2. Mọi quan hệ công tác giữa Hội đồng Quản trị với Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành được quy định tại <i>Quy chế nội bộ về Quản trị ABBANK và các quy định nội bộ khác</i> do Hội đồng Quản trị ban hành. <i>26.3. Mọi quan hệ công tác giữa Hội đồng Quản trị với Tổng Giám đốc trong việc Hội đồng quản trị thực hiện giám sát của quản lý cấp cao đối với Tổng Giám đốc đối với kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, đánh giá nội bộ về mức đủ vốn cụ thể như sau:</i> <i>a) Giám sát Tổng Giám đốc đối với kiểm soát nội bộ trong việc:</i> <i>- Tổ chức thực hiện hoạt động kiểm soát, vận hành và duy trì hệ thống thông tin quản lý và cơ chế trao đổi thông tin;</i> <i>- Duy trì văn hóa kiểm soát và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;</i> <i>- Xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế về kiểm soát nội bộ theo yêu cầu, kiến nghị của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác;</i> <i>- Xử lý các hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm quy định nội bộ và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp;</i> <i>- Các nội dung khác do Hội đồng quản trị quy định.</i> <i>b) Giám sát Tổng Giám đốc trên cơ sở đề xuất, tham mưu của Ủy ban Quản lý rủi ro đối với quản lý rủi ro:</i> <i>- Xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách quản lý rủi ro;</i>

	- Xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế về quản lý rủi ro theo các yêu cầu, kiến nghị của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác; - Các nội dung khác do Hội đồng quản trị quy định. c) Giám sát Tổng Giám đốc đối với đánh giá nội bộ về mức đủ vốn: - Tổ chức thực hiện đánh giá nội bộ về mức đủ vốn; - Xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế của đánh giá nội bộ về mức đủ vốn theo yêu cầu, kiến nghị của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác; - Các nội dung khác do Hội đồng Quản trị quy định.
Điều 24. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát 24.1. Mối quan hệ giữa Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng Quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.	Điều 27. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát 27.1. Mối quan hệ giữa Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp chức năng quản trị và kiểm soát theo quy định của pháp luật và Điều lệ ABBANK. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng Quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi chức năng, nhiệm vụ theo quy định. 27.2. Cơ chế phối hợp của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát, kiểm toán nội bộ phải đảm bảo: a) Hội đồng Quản trị phối hợp với bộ phận kiểm toán nội bộ khi kiểm toán nội bộ về giám sát của quản lý cấp cao đối với Hội đồng Quản trị; b) Hội đồng Quản trị thực hiện các kiến nghị của Ban Kiểm soát đối với Hội đồng Quản trị tại báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ (nếu có) và thông báo cho Ban Kiểm soát về kết quả thực hiện kiến nghị.
Ngoài các nội dung trên, dự thảo Quy chế (sửa đổi) được rà soát, tu chỉnh về kỹ thuật, diễn đạt và/hoặc sắp xếp lại các nội dung quy định cho đồng bộ, thống nhất với quy định của Điều lệ ABBANK và Luật Các tổ chức tín dụng 2024.	